

## LỚP TỪ NGỮ GIỮ CHỨC NĂNG ĐỊNH DANH, XUNG HÔ TRONG VĂN CHÍNH LUẬN NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

Trần Bình Tuyên

Nhà xuất bản Đại học Huế

Email: tuyennxb@gmail.com

### TÓM TẮT

*Thông qua lớp từ ngữ giữ chức năng định danh, xung hô trong văn chính luận Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, chúng tôi sẽ làm nổi bật không chỉ chức năng biểu hiện và chức năng liên nhân của ngôn từ trong quá trình hành chức, cũng như cho thấy sự chi phối sâu sắc của ngữ cảnh đối với chiến lược lựa chọn và cách thức sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể, nhằm hướng đến mục đích cuối cùng là tác động đến người tiếp nhận cũng như sự thay đổi của xã hội.*

**Từ khóa:** *biểu thức quy chiếu, chiến lược giao tiếp, định danh, ngữ cảnh, xung hô.*

Nhà nghiên cứu Nguyễn Hòa đã từng khẳng định: “*Vốn từ của mỗi ngôn ngữ là một nguồn lực vô cùng quan trọng biểu đạt ý niệm hay tình cảm, tư tưởng của cộng đồng. Mỗi từ ngữ hay nói đúng hơn là mỗi ý nghĩa là sự cô đọng và hiện thân của hệ tư tưởng, sự đánh giá, hay kinh nghiệm của xã hội*” [2, 103]. Như vậy, có thể nói, ngôn từ có vai trò đặc biệt trong đời sống xã hội vì nó không chỉ là công cụ để thực hiện quá trình giao tiếp của người này với người khác mà nó còn có sự ảnh hưởng rất lớn đối với sự nhận thức của xã hội. Thông qua việc phân tích những đặc điểm của các lớp từ ngữ được lựa chọn và sử dụng trong từng ngữ cảnh cụ thể và hướng đến từng đối tượng tiếp nhận cụ thể, chúng ta có thể thấy được những giá trị biểu hiện của nó: đó không chỉ là những kinh nghiệm (kiến thức) được ngôn từ truyền tải, mà chúng ta còn nhận thức được giá trị liên nhân giữa các đối tượng được ngôn từ đề cập trong và ngoài diễn ngôn. Từ những giá trị biểu hiện đó, người tạo lập diễn ngôn với những mục đích khác nhau có thể tác động đến sự nhận thức của người tiếp nhận theo hướng mong muốn. Chính vì vậy, dưới quan điểm của lý thuyết phân tích diễn ngôn phê phán, ngôn ngữ “*được sử dụng như một phương tiện tư tưởng, điều khiển và làm thay đổi xã hội*” [2, tr. 14].

Trong bài báo này, chúng tôi không chỉ tiến hành khảo sát và phân tích, lý giải những chức năng cơ bản của những lớp từ ngữ nêu trên trong quá trình hành chức mà còn làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa chúng với những yếu tố của ngữ cảnh giao tiếp thông qua việc phân tích sự chi phối, tác động của thực tế xã hội đối với chiến lược lựa chọn và sử dụng ngôn từ của

người tạo lập diễn ngôn trong từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể cũng như sự tác động trở lại của ngôn từ đối với sự nhận thức của người tiếp nhận nói riêng và xã hội nói chung.

Để thực hiện bài nghiên cứu, chúng tôi tập trung sử dụng các phương pháp cơ bản sau đây:

+ Phương pháp định lượng: sử dụng phương pháp thống kê để xử lý, phân loại, khảo sát số lượng và tần số xuất hiện của các lớp từ ngữ.

+ Phương pháp định tính: sử dụng phương pháp miêu tả và phân tích diễn ngôn để tìm ra các đặc điểm sử dụng các lớp từ ngữ trong việc đối chiếu với các yếu tố phi ngôn ngữ.

+ Phương pháp mô tả, phân tích, tổng hợp, khái quát nhằm làm nổi bật những đặc điểm cơ bản của đối tượng nghiên cứu.

+ Phương pháp nghiên cứu liên ngành: kết hợp vận dụng những kiến thức liên quan đến văn hóa, lịch sử, xã hội để góp phần làm rõ đặc điểm và bản chất của ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp cụ thể.

Phạm vi đối tượng nghiên cứu trong tiểu luận này bao gồm: Văn chính luận Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trước năm 1945: *Vấn đề dân bản xứ, Tâm địa thực dân, Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa, Bình đẳng, Những cái tốt đẹp của nền văn minh Pháp, Công cuộc khai hóa giết người, cuộc kháng chiến, Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Văn chính luận Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh sau năm 1945: *Tuyên ngôn độc lập, Không có gì quý hơn độc lập tự do, Toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng Tám và ngày độc lập (1950), Di chúc*.

1. Vấn đề quy chiếu chính là vấn đề tạo ra diễn ngôn, nó thể hiện mối quan hệ đầu tiên giữa hoàn cảnh giao tiếp với diễn ngôn. Nguyễn Thiện Giáp cho rằng “*Quy chiếu là một hành động trong đó người nói, người viết dùng các hình thức ngôn ngữ cho phép người nghe, người đọc nhận diện cái gì đó*” [dẫn theo 1, tr. 28]. Trong thực tế, một sự vật, hiện tượng có thể được quy chiếu bởi nhiều từ ngữ khác nhau được gọi là các biểu thức quy chiếu. Bên cạnh đó, từ xưng hô là một cách quy chiếu đối tượng người tham gia giao tiếp trực tiếp hoặc là đối tượng được đề cập đến trong phát ngôn (diễn ngôn). Trong hoạt động giao tiếp, lớp từ này có chức năng định danh các đối tượng trong quan hệ với người nói và hoàn cảnh giao tiếp. Chính vì vậy, việc xác lập và phân tích một cách chính xác lớp từ ngữ giữ chức năng định danh và xưng hô trong đời sống xã hội cũng như trong các diễn ngôn là rất quan trọng trong việc xác định bản chất của đối tượng được đề cập; đồng thời thể hiện cách nhìn và cách đánh giá cũng như bộc lộ tâm tư, tình cảm, thái độ của người quy chiếu. Bên cạnh đó, lớp từ này còn biểu hiện một cách sâu sắc mối quan hệ liên nhân trong xã hội của các vai giao tiếp trong và ngoài diễn ngôn.

Tuy nhiên, trong thực tế tiến hành nghiên cứu, việc xác định hệ thống các lớp từ ngữ này cũng gặp nhiều khó khăn. Trước hết, ngoài yếu tố phân bố do tính quy định của thể văn

chính luận, thì những đặc trưng khác nhau của nhiều hình thức khác nhau của văn chính luận (như những bài viết tố cáo chính quyền thực dân; tác phẩm tuyên ngôn; những lời kêu, lời hiệu triệu; di chúc...) cũng chi phối sự phân bố của lớp từ dùng để quy chiếu. Bên cạnh đó, đặc điểm các tình huống giao tiếp cũng như vị thế của người xác lập diễn ngôn, cũng như người tiếp nhận cũng có sự thay đổi qua mốc thời gian trước và sau năm 1945, đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn, sử dụng các lớp từ ngữ đã được xác lập ở trên. Xuất phát từ thực tế đó và để dễ kiểm soát trong quá trình khảo sát và phân tích lớp từ này, chúng tôi xác lập các đối tượng được quy chiếu định danh là *tuyến nhân vật kẻ thù (thực dân Pháp nói chung và một số quan chức cai trị thực dân Pháp)* (trong các tác phẩm trước và sau năm 1945); trong khi đó, lớp từ ngữ xưng hô chúng tôi xác định gồm các cặp đối tượng là: *tuyến nhân vật kẻ thù với tuyến các tầng lớp nhân dân thuộc địa* (trong các tác phẩm trước năm 1945), *người tạo lập diễn ngôn với người tiếp nhận diễn ngôn* (trước và sau năm 1945). Từ kết quả khảo sát tần số xuất hiện lớp từ này trong từng tuyến nhân vật, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích giá trị biểu hiện của chúng dựa trên các nội dung tiêu biểu: xác định vị thế xã hội của các nhân vật, giá trị biểu hiện mối quan hệ liên nhân giữa các nhân vật, thái độ của người trần thuật đối với các vai giao tiếp trong từng ngữ cảnh cụ thể. Bên cạnh đó, việc phân tích, lý giải những nội dung trên luôn chịu sự chi phối bởi sự tác động của ngữ cảnh tình huống đối với người tạo lập diễn ngôn và đối tượng tiếp nhận diễn ngôn cũng là một nội dung quan trọng mà chúng tôi sẽ tập trung hướng tới.

**Bảng 1.** Tổng hợp các phương thức quy chiếu nhân vật thực dân Pháp trong các tác phẩm văn chính luận trước năm 1945

<b>Mô hình quy chiếu</b>		<b>Biểu thức quy chiếu tiêu biểu</b>
Quy chiếu bằng tên riêng	Danh từ riêng	<i>Pháp, Utorây, Buđinô, Têa, Hăngri</i>
	Danh từ thân tộc + danh từ riêng	<i>Ông Đáclo, ông Mácxian Méclanh, ông Utorây, cụ lớn Méclanh</i>
	Danh từ chỉ nghề nghiệp, chức tước + danh từ riêng	<i>Quan toàn quyền Méclanh, quan quyền thống đốc Utorây</i>
	Danh từ chung chỉ chế độ, chủ nghĩa + danh từ riêng	<i>Chủ nghĩa tư bản Pháp, Chủ nghĩa thực dân Pháp, đế quốc Pháp, bọn thực dân Pháp</i>
	Danh từ chung chỉ tổ chức, cộng đồng + danh từ riêng	<i>Chính phủ Pháp, nước Đại Pháp, nước Mẹ, Dân tộc Pháp</i>
Quy chiếu bằng ngữ danh từ xác định	Danh từ chung + định ngữ miêu tả + đại từ chỉ định	<i>Lũ ròi bọ ấy, các ông tướng ấy, vị quan cao cấp này, ông chủ đồn điền đáng kính đó, viên thống đốc này, ông nghị liêm chính này, vị quan cai trị dễ thương ấy</i>

	Từ chỉ xuất + danh từ chung + danh từ riêng	<i>Cái ông Utorây, cái ông Méclanh</i>
	Từ chỉ xuất + danh từ chung + danh từ riêng + đại từ chỉ định	<i>Cái ông Đác-lơ ấy, cái ông Utorây ấy</i>
Quy chiếu bằng chỉ xuất nhân xưng	Đại từ nhân xưng	<i>Họ, chúng</i>
	Đại từ do danh từ thân tộc chuyển loại	<i>Ông, ông ta, người ta</i>

**Bảng 2.** Tổng hợp các phương thức quy chiếu nhân vật thực dân Pháp trong các tác phẩm văn chính luận sau năm 1945

Mô hình quy chiếu		Biểu thức quy chiếu tiêu biểu
Quy chiếu bằng tên riêng	Danh từ riêng	<i>Pháp</i>
	Danh từ chung chỉ tổ chức, cộng đồng + danh từ riêng	<i>Chính phủ Pháp, người Pháp, quân đội Pháp, quân địch</i>
Quy chiếu bằng biểu thức miêu tả	Danh từ chung + danh từ riêng + định ngữ miêu tả	<i>Quân Pháp hung tàn</i>
Quy chiếu bằng chỉ xuất nhân xưng	Đại từ nhân xưng	<i>Họ, chúng</i>

Qua kết quả khảo sát các tuyến nhân vật như trên, chúng ta có thể nhận thấy có những đặc thù riêng biệt trong việc quy chiếu các đối tượng giữa những tác phẩm khác nhau về mốc thời gian.

**Đối với những diễn ngôn chính luận trước năm 1945**, đối tượng thực dân Pháp đã được người tạo lập diễn ngôn sử dụng rất nhiều mô hình quy chiếu khác nhau với những hình thức quy chiếu đa dạng, phong phú. Chẳng hạn:

- **Quy chiếu bằng tên riêng:** ngoài việc sử dụng các biểu thức quy chiếu là danh từ riêng gọi tên nhân vật (như *Pháp, Utorây, Buđinô, Têta, Hăngri*), tác giả còn sử dụng những biểu thức đồng quy chiếu khác có giá trị biểu hiện cao như:

+ Danh từ chỉ nghề nghiệp, chức tước + danh từ riêng: *quan toàn quyền Méclanh, quan quyền thống đốc Utorây...* Thông thường, khi lựa chọn và sử dụng các hình thức quy chiếu này, người viết thể hiện tư tưởng, quan điểm và lập trường khách quan và có sắc thái trân trọng vì các ngữ danh từ này quy chiếu để gọi tên những nhân vật xã hội, phổ biến là các nhân vật quan trọng, có vị trí cao trong xã hội. Tuy nhiên, có thể thấy, khi đặt vào trong ngữ cảnh ra đời của các tác phẩm, và người tiếp nhận cơ bản là những người dân nô lệ bị áp bức bởi chính những viên quan quyền cao chức trọng này, đồng thời nó được đặt bên cạnh những câu có sắc thái tiêu cực, thì những đối tượng được quy chiếu đã hiện nguyên hình là những “con thú dữ” và quan “công sứ khát máu” hay “bọn cá mập thực dân” đầy hung bạo. Súc tố cáo và sắc thái mỉa mai vì thế cũng được thể hiện một cách rất cụ thể và hiệu quả. Chúng ta xét một ví dụ sau: *Thế nên, trước khi sang Đông Dương khai hoá cho người Đông Dương, quan toàn quyền Méclanh định*

*bắt đầu khai hoá những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là những người đã hy sinh vì tổ quốc, vì công lý, và vì vân vân ấy mà!* (*Bản án chế độ thực dân Pháp*) [4, tr. 220]

+ Danh từ thân tộc + danh từ riêng: Đây là mô hình quy chiếu tương đối thông dụng trong nhiều thể loại văn bản. Tuy nhiên, khi đặt vào tình huống giao tiếp cụ thể thì ý nghĩa, sắc thái của nó cũng sẽ khác nhau, tùy thuộc vào mục đích giao tiếp của người sử dụng. Trong những diễn ngôn chính luận trước 1945, Nguyễn Ái Quốc cũng đã quy chiếu hầu hết những nhân vật quan lại cai trị người Pháp bằng mô hình này với sắc thái mỉa mai sâu cay. Chẳng hạn, khi miêu tả viên toàn quyền Méclanh, tác giả đã sử dụng 3 lần như: *ông Méclanh, cụ lớn Méclanh...* Khi sử dụng các đại từ xưng hô với đối tượng có độ tuổi cao thường Hồ Chí Minh sử dụng từ mang sắc thái tôn trọng, nhưng trong ngữ cảnh của diễn ngôn *Bản án chế độ thực dân Pháp* thì rõ ràng nó không còn giữ sắc thái đó nữa, mà thay vào đó là tiếng nói tố cáo mạnh mẽ của người viết. Các đại từ như *Cụ, cụ lớn* trong ngữ cảnh này không có nghĩa là chỉ độ tuổi đơn thuần mà nó đã chuyển sang hàm ý chỉ những kẻ có quyền lực, nắm quyền sinh quyền sát trong tay... Ngoài những biểu thức quy chiếu trên, chúng ta còn thấy có hàng loạt những hình thức quy chiếu khác cùng sắc thái như *ngài, ông, ông ta, cụ...*

Đối với thực dân Pháp nói chung, tác giả cũng sử dụng nhiều mô hình quy chiếu khác nhau như: Danh từ chung chỉ chế độ, chủ nghĩa + danh từ riêng (*Chủ nghĩa tư bản Pháp, Chủ nghĩa thực dân Pháp, đế quốc Pháp, bọn thực dân Pháp*), danh từ chung chỉ tổ chức, cộng đồng + danh từ riêng (*Chính phủ Pháp, nước Đại Pháp, nước Mẹ, Dân tộc Pháp*). Xét trong từng ngữ cảnh cụ thể, chúng ta có thể thấy giá trị biểu hiện của các biểu thức quy chiếu này, đặc biệt với cách nhắc lại những danh từ như *Đại Pháp* (4 lần), *nước Mẹ* (6 lần) hay việc sử dụng biểu thức quy chiếu gọi đích danh tên quốc gia (Pháp) kết hợp với những hành động, sự kiện cụ thể càng làm giá trị tố cáo thêm sâu sắc. Chẳng hạn, trong *Vấn đề dân bản xứ*, tác giả viết: “*Nước Pháp đã từng bắt đầu đánh chiếm Đông Dương gần như cùng thời gian mà nước Nhật đi những bước đầu tiên trong cuộc cải cách nổi tiếng năm 1868*” [4, tr. 7]; hay như trường hợp trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*: “*Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như là một sự đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu, và bọn quân nhân thì vớ được dịp để trở tài trong những trận thắng dễ dàng*”. Hoặc: “*Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước Mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đểu cáng...*” [4, tr. 270 - 271]

#### **- Quy chiếu bằng ngữ danh từ xác định:**

+ Danh từ chung + định ngữ miêu tả + đại từ chỉ định: *Lũ dòi bọ ấy, vị quan cao cấp này, ông chủ đồn điền đáng kính đó, viên thống đốc này, ông nghị liêm chính này, vị quan cai trị dễ thương ấy...* Với cách dùng biểu thức quy chiếu này, người tạo lập diễn ngôn như nhấn mạnh vào đối tượng được phản ánh theo kiểu “chỉ tận tay”, đặc biệt khi phía trước đó là những từ mang tính chất tích cực như “dễ thương”, “đáng kính”, “liêm chính”,... nhằm tố cáo những tên thực dân tàn ác thì tính châm biếm mỉa mai và sức tố cáo lại càng được đẩy cao hơn. Ví dụ, trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, khi phản ánh tội ác của Đáclo, tác giả đã quy chiếu đối

tượng bằng một biểu thức đầy châm biếm: “Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ. Đây là một vài việc làm rạn rờ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hoà đã có nhã ý gửi sang để khai hoá cho chúng tôi...” [4, tr. 227].

+ Từ chỉ xuất + danh từ chung + danh từ riêng: *cái ông Utorây, cái ông Méclanh...* Với việc kết hợp từ chỉ xuất *cái* ở phía trước tên riêng đã làm tăng thêm sắc thái mỉa mai, châm biếm của người viết đối với đối tượng được phản ánh.

- **Quy chiếu bằng chỉ xuất nhân xưng:** Có rất nhiều trường hợp tác giả đã dùng các danh từ nhân xưng để quy chiếu đối tượng thực dân Pháp như *chúng (bọn chúng), nó*. Theo Từ điển Tiếng Việt, “chúng” là từ dùng để chỉ những người đã được nói đến, với ý coi khinh [3, tr. 232]. Ở đây, người tạo lập diễn ngôn cũng đã sử dụng theo hướng tiêu cực này: “Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi...” [4, tr. 254].

**Trong khi đó, cũng nói về thực dân Pháp nhưng trong các diễn ngôn chính luận sau năm 1945,** tác giả đã không sử dụng nhiều hình thức quy chiếu mà chỉ tập trung vào một số biểu thức quy chiếu mang tính chất trung hòa hơn như:

- **Quy chiếu bằng chỉ xuất nhân xưng:** *họ, chúng.*

- Quy chiếu bằng riêng: *Pháp, người Pháp...* Trong Tuyên ngôn độc lập có viết: “*Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp*”.

- *Quân đội Pháp, quân địch, giặc Pháp:* Đây là những biểu thức quy chiếu thường dùng để quy chiếu đối phương trong thời chiến. Nó ít mang sắc thái tu từ cũng như thể hiện thái độ châm biếm, mỉa mai trào lộng như một số hình thức quy chiếu trong những diễn ngôn chính luận trước năm 1945, mà cơ bản chỉ mang tính chất đánh giá “tiêu cực” nếu như xét theo quan điểm của Van Dijk. Theo Van Dijk, việc hình thành các mô hình sự kiện và sơ đồ thái độ cần “đòi hỏi phải xem xét một cách chi tiết các chiến lược có vai trò trong quá trình trên”, “nội dung từ ngữ có vai trò to lớn, tức là việc sử dụng từ ngữ có đánh giá “tích cực” hay “tiêu cực”. Chính vì vậy, việc lựa chọn những biểu thức quy chiếu như *quân địch, giặc Pháp* mang nội dung “tiêu cực” thể hiện rất rõ thái độ khinh bỉ của người quy chiếu. Nó khác hoàn toàn với những biểu thức quy chiếu mà người tạo lập diễn ngôn dùng để chỉ đối tượng là quân đội, cũng như nhân dân Việt Nam, khi chúng mang sắc thái trân trọng, tự hào như các trường hợp: *quân đội ta, đồng bào ta, dân ta...* Chẳng hạn: “*Quân đội ta ngày càng mạnh mẽ. Nhân dân ta ngày càng đoàn kết và quyết tâm...* (Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng Tám và ngày độc lập - 1950)”. [5, tr. 383].

Như vậy, chúng ta có thể thấy sự khác nhau rất rõ rệt về tỷ lệ, tần suất các mô hình, hình thức và sắc thái những biểu thức quy chiếu của cùng một đối tượng nhưng trong các diễn ngôn chính luận ở những hai mốc thời gian khác nhau: trước và sau năm 1945. Nếu như trong

các tác phẩm trước năm 1945, đối tượng thực dân Pháp được quy chiếu bởi 10 mô hình với rất nhiều biểu thức quy chiếu khác nhau, thì trong các tác phẩm sau năm 1945, đối tượng này chỉ được quy chiếu bằng 3 mô hình với số biểu thức quy chiếu hạn chế. Sự khác biệt và thay đổi trên bị chi phối và tác động cơ bản từ các yếu tố của tình huống giao tiếp. Trước hết, đối tượng được quy chiếu sau năm 1945 là quân đội viễn chinh Pháp nói chung đang hiện diện trên đất nước Việt Nam (không còn đối tượng là những con người cụ thể hay thực dân Pháp tại các nước thuộc địa trên thế giới), nội dung phản ánh không chỉ là thực dân Pháp xâm lược, mà còn nói về cuộc đấu tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc. Bên cạnh đó là sự thay đổi vị thế xã hội của người tạo lập diễn ngôn: nếu trước năm 1945 khi viết những tác phẩm chính luận, Nguyễn Ái Quốc là một thanh niên của một nước nô lệ đang hoạt động cách mạng ngay trên đất Pháp. Do đó, Người hoàn toàn đứng trên danh nghĩa một cá nhân cụ thể; đồng thời, mục đích cơ bản của những tác phẩm này là tập trung tố cáo tội ác của chế độ thực dân trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đối với các nước bản xứ, thuộc địa, hướng tới đối tượng tiếp nhận là người dân Pháp chân chính và tất cả các nước thuộc địa bị áp bức trên toàn thế giới, vì vậy nó không giới hạn các mô hình quy chiếu cụ thể. Trong hoàn cảnh giao tiếp đó, người tạo lập diễn ngôn càng sử dụng nhiều mô hình và biểu thức quy chiếu càng phản ánh sâu sắc, cụ thể hiện thực được nói đến; đồng thời, sự tác động đến quá trình nhận thức của đối tượng tiếp nhận cũng như xã hội sẽ mạnh hơn và thuyết phục hơn. Ngược lại, trong những tác phẩm sau năm 1945, hoàn cảnh giao tiếp đã hoàn toàn thay đổi. Người tạo lập diễn ngôn chuyển đổi vị thế sang vai trò là vị lãnh tụ cao nhất của một đất nước tự do, vì vậy, trong một số ngữ cảnh, tác giả còn đại diện cho tiếng nói của cả dân tộc. Bên cạnh đó, người tiếp nhận cũng thay đổi từ người dân thuộc địa trên toàn thế giới sang các tầng lớp nhân dân của Việt Nam cụ thể. Chính những yếu tố trên đã chi phối đến việc lựa chọn các mô hình cũng như biểu thức quy chiếu của người tạo lập diễn ngôn đối với đối tượng là thực dân Pháp. Số lượng mô hình giảm, đồng thời sắc thái cũng hướng đến cái chung, trung hòa hơn. Không có yếu tố mỉa mai, châm biếm như trong các tác phẩm trước năm 1945, nhưng những biểu thức quy chiếu này vẫn phản ánh chân thực mọi góc cạnh của đối tượng và có sự tác động cũng như sức thuyết phục cao đối với người đọc, người nghe. Đó cũng là chiến lược lựa chọn và sử dụng các yếu tố ngôn ngữ phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của người tạo lập diễn ngôn.

2. Bên cạnh lớp từ ngữ định danh đã phân tích ở trên, lớp từ ngữ xưng hô cũng có giá trị trong việc phản ánh bản chất đối tượng và đặc biệt thể hiện mối quan hệ liên nhân sâu sắc giữa các vai giao tiếp trong diễn ngôn, giữa người tạo lập diễn ngôn và đối tượng tiếp nhận diễn ngôn. Xưng hô là một hành động ngôn ngữ, được thực hiện trong giao tiếp ở tất cả các cộng đồng người. Trong giao tiếp, người nói thường hướng tới người đối thoại hai thái độ: lịch sự hoặc không lịch sự. Sự chi tiết hóa hai thái độ này là bốn kiểu sắc thái xưng hô biểu cảm: 1. Trang trọng; 2. Trung hòa, vừa phải; 3. Thân mật, suồng sã; 4. Thô tục, khinh thường... Quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng tộc người bao giờ cũng được cấu trúc theo hai kiểu: quan hệ thân tộc và quan hệ xã hội. Vì thế, trong giao tiếp xã hội, xưng hô cũng thể hiện ở hai phạm vi: xưng hô gia đình và xưng hô ngoài xã hội. Việc chọn cách xưng hô và từ xưng hô trong giao

tiếp nói chung là một vấn đề mang tính xã hội, nó bị chi phối bởi các điều kiện của bối cảnh giao tiếp. Bối cảnh giao tiếp thể hiện ra ở nhiều phương diện như: Tính quy thức hay phi quy thức của hoạt động giao tiếp; vị thế xã hội và vị thế giao tiếp của các nhân vật giao tiếp (người phát, người nhận); trạng thái tình cảm giữa hai nhân vật giao tiếp trong giao tiếp: gần gũi, quen biết hay xa lạ, yêu ghét, giận giữ, căm tức hay trung hoà; một số nhân tố khác như: chỉ có hai nhân vật (nói/nghe; phát/nhận) hay còn có người thứ ba?

Văn chính luận thiên về phản ánh chân thực những sự kiện lịch sử, chính trị mang tính chất bao quát, vì vậy các cuộc giao tiếp giữa các đối tượng hầu như rất hiếm. Theo khảo sát của chúng tôi, trong phạm vi các tác phẩm làm tư liệu cho đề tài này, chỉ có *Bản án chế độ thực dân Pháp* có một vài phân đoạn thể hiện sự trao đổi qua lại giữa các vai giao tiếp, nhưng cuộc thoại đó cũng là được kể lại, thuật lại. Tuy nhiên, chỉ cần một vài tình huống giao tiếp, chúng ta cũng có thể xác định được các cặp từ xưng hô, từ đó xác lập mối quan hệ liên nhân giữa các vai giao tiếp cũng như bản chất của các đối tượng phát ngôn. Dưới đây là một số cặp từ xưng hô được xác định trong phạm vi nghiên cứu:

**Bảng 3.** Tổng hợp các cặp từ xưng hô

Nhân vật	Từ	
	Xưng	Hô
Thực dân Pháp	Tao	Mày/ chúng mày
	Tổ quốc	Các bạn
Người tạo lập diễn ngôn	Tôi/ chúng tôi	Bạn/ các bạn
	Tôi	Đồng bào

**Trước hết, về phía tuyến nhân vật thực dân**, cặp xưng hô đầu tiên được xác lập đó là cặp xưng hô của các viên quan cai trị người Pháp với hình thức: *tao – mày/ chúng mày* đối với người dân bản xứ. Đại từ “mày” theo định nghĩa của *Từ điển Tiếng Việt*, là *từ dùng để gọi người ngang hàng hoặc hàng dưới khi nói với người ấy, tỏ ý thân mật hoặc coi thường, coi khinh* [3, tr. 778]. Trong ngữ cảnh đang xét đến thì đại từ “mày” và “chúng mày” được đối tượng sử dụng thuộc nét nghĩa coi thường, coi khinh, hàng dưới. Ví dụ: “*Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu. "Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học*”. Hay trong *Cuộc kháng chiến*, cách xưng hô của tên quan tư lệnh đối với hai người An Nam như sau: “*Tao có nói: "Nếu chúng mày dẫn quân lính đi đúng đường thì chúng mày sẽ thoát chết; nếu đem họ đi lạc thì chúng mày sẽ bị xử bắn", có đúng tao đã nói như thế không?"* [4, tr. 177]. Như vậy, mối quan hệ giữa đối tượng phát ngôn với người tiếp nhận được chúng ta xác nhận là mối quan hệ giữa kẻ bề trên, ông chủ với kẻ bề dưới, đầy tớ. Nó khác hẳn mối quan hệ của những người đi “khai hóa văn minh” đúng nghĩa cho người dân bản địa của người Pháp như chúng từng rêu rao. Đồng thời, qua cách xưng hô như vậy, có thể thấy được thái độ hách dịch, hung hãn trong quá trình giao tiếp của đối tượng phát ngôn.



Tuy nhiên, cũng cùng hai vai giao tiếp trên nhưng cặp xưng hô đã có sự thay đổi hoàn toàn: *tổ quốc - các bạn*. Từ “bạn” theo định nghĩa của *Từ Điển tiếng Việt*, là *người quen biết và có quan hệ gần gũi, coi nhau ngang hàng, do hợp tính, hợp ý hoặc cùng cảnh ngộ, cùng chí hướng, cùng hoạt động* [3, tr. 40]. “Các bạn” ở đây chỉ những người ngang hàng với sắc thái thân mật, gần gũi. Tại sao lại có sự thay đổi lối gọi từ *mày/chúng mày* (với trạng thái khinh bỉ, coi khinh, hàng dưới) sang *các bạn* (gần gũi, thân tình, ngang hàng) như vậy? Khi thực dân Pháp tiến hành những cuộc chiến tranh đàn áp những dân tộc thuộc địa khác trên thế giới, chúng đã tuyển lính là những người dân An Nam (thuộc địa của chúng tại Đông Dương). Với chiêu bài bảo vệ cho *Tổ quốc* (tức nước Mẹ Đại Pháp) trong cuộc chiến tranh “vì công lý”, thực dân Pháp đã thay đổi lối xưng hô với những người bản địa mà trước đó không lâu chúng chỉ coi là “lũ dòi bọ”, “giống người bản thiu” nhằm dụ dỗ, thuyết phục họ tham chiến, biến họ thành “bia đỡ đạn” cho chúng. Sự thay đổi trong việc lựa chọn từ ngữ xưng hô này không hề xuất phát từ yếu tố vị thế xã hội hay thái độ, tình cảm mà chính là ở mục đích và chiến lược giao tiếp của người xưng hô cùng với sự tác động của ngữ cảnh giao tiếp mới. Chúng ta có thể thấy được điều đó qua ví dụ sau trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*: “*Ấy thế mà trong một bản báo cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh "cho Tổ quốc", đã trình trọng tuyên bố rằng: "Các bạn đã tấp nập đầu quân, các bạn đã không ngần ngại rời bỏ quê hương xiết bao triu mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khổ đờ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ"...* [4, tr. 194] Bản chất của chủ nghĩa thực dân nhanh chóng bị bóc trần phía sau chiến lược giao tiếp này, khi những người lính bản địa sau khi đã “dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý” trở về, lại nhanh chóng trở lại thân phận của những kẻ nô lệ như trước đây: “*Khi đại bác đã ngáy thịch đen, thịch vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cảm quyền nhà ta bỗng dung im bật như có phép lạ, và cả người "Nêgrô" lẫn người "Annamít" mặc nhiên trở lại "giống người bản thiu".* [4, tr. 199]

**Trong khi đó, đối với người tạo lập diễn ngôn**, có thể nhận thấy các cặp từ xưng hô được sử dụng đã thể hiện rất rõ mối quan hệ với người tiếp nhận cũng như sự tác động mạnh mẽ của các yếu tố tình huống giao tiếp trong việc chọn lựa và sử dụng các từ ngữ dùng để xưng hô.

Trong các tác phẩm trước năm 1945, cặp xưng hô tác giả sử dụng đối với người đọc là: *tôi/chúng tôi - bạn/ các bạn*. Chẳng hạn: “*Các bạn sẽ hỏi tôi: "Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?". Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gambia, sau giữ chức phó thống đốc Tây Phi, rồi lên làm thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ”* (*Bản án chế độ thực dân Pháp*) [4, tr. 219]. Ở ngữ cảnh viết các diễn ngôn chính luận này, trong mối quan hệ quốc tế, Nguyễn Ái Quốc với tư cách cùng chung số phận của những người dân thuộc địa, nên việc sử dụng cặp từ xưng hô này hướng tới đối tượng tiếp nhận là các tầng lớp nhân dân bị áp bức, những người xuất thân từ các nước thuộc địa đang cùng hoạt động cách mạng với Người là hợp lý, vừa gần gũi vừa tự nhiên như những cuộc nói chuyện trao đổi giữa những người bạn đã góp phần giúp cho người tiếp nhận tiếp cận nội dung, tư tưởng của tác phẩm dễ dàng hơn. Đồng

thời tác giả cũng sẽ thuận lợi hơn trong quá trình tạo lập diễn ngôn và tiếp cận đến người tiếp nhận.

Ngược lại, trong những tác phẩm sau năm 1945, khi đã trở thành vị lãnh tụ đứng đầu nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đối tượng gọi cũng khác, thì lối xưng hô trong diễn ngôn cũng thay đổi. Trong mối quan hệ trong nước, Người đã sử dụng cặp xưng hô: *tôi - đồng bào* (và sau đó là một loạt các đại từ gọi như *chiến sĩ, các bậc phụ lão, các cháu thiếu niên nhi đồng...*). Điều đó cho thấy sự gần gũi, trân trọng trong cách xưng hô được cấu trúc theo hai kiểu quan hệ thân tộc. Không hề có một khoảng cách nào giữa một vị lãnh tụ tối cao của một đất nước với người dân của mình. Ví dụ: “*Tôi theo dõi từng giờ, từng phút cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta (Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Nam Bộ kháng chiến - 18/9/1952)*”; đặc biệt là những lời kêu gọi vừa gần gũi thiết tha, vừa mạnh mẽ có sức tác động mạnh đến người đọc: “*Hỡi đồng bào toàn quốc! Hỡi toàn thể chiến sĩ và cán bộ!*” (*Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm 7 năm toàn quốc kháng chiến*)... [5, tr. 675]. Với cách xưng hô như vậy, Người không chỉ thể hiện sự gần gũi, gắn bó với tình quân dân mà còn góp phần tạo nên sức mạnh tinh thần lớn lao cho toàn dân tộc trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Như vậy, qua các phân tích trên, chúng ta có thể thấy lớp từ ngữ dùng để quy chiếu các nhân vật xã hội không chỉ thể hiện sâu sắc chức năng biểu hiện và chức năng liên nhân của mình trong quá trình hành chức, mà nó còn cho thấy sự chi phối của ngữ cảnh bao gồm rất nhiều yếu tố khác nhau như không – thời gian, văn cảnh, những vai và vị thế của những vai giao tiếp, kiến thức nền... đối với chiến lược lựa chọn và cách thức sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể nhằm hướng đến mục đích cuối cùng là tác động đến người nghe, tác động đến sự thay đổi của xã hội. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người. Thông qua ngôn ngữ, con người có thể thể hiện tư duy, biểu đạt thái độ, tình cảm và phản ánh hiện thực một cách chân thực và sống động. Qua đó cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của ngôn ngữ đối với đời sống văn học nói riêng và với đời sống xã hội nói chung.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Diệp Quang Ban (2003). *Giao tiếp. Văn bản. Mạch lạc. Liên kết. Đoạn văn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Hòa (2006). *Phân tích diễn ngôn phê phán: Lí luận và Phương pháp*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Viện Ngôn ngữ học (2016). *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- [4]. *Hồ Chí Minh tuyển tập* (2002) (Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. *Hồ Chí Minh tuyển tập* (2002) (Tập 2), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

**THE CHARACTERISTICS OF WORDS AND PHRASES EMPLOYED  
TO IDENTIFY AND ADDRESS IN POLITICAL TEXTS  
BY NGUYEN AI QUOC – HO CHI MINH**

**Tran Binh Tuyen**

*Hue University Press*

*Email: tuyennxb@gmail.com*

**ABSTRACT**

*Through analysing the words and phrases employed to identify and address in political texts composed by Nguyen Ai Quoc-Ho Chi Minh, the paper aims to bring out not only the expressive and interpersonal functions of the language in the course of operation, but also the profound influence of context on choices and manners of using language, which are required to be relevant to each particular situation of communication. This is in order to reach the final goal of making a strong impact on the readers and the society as well.*

**Keywords:** *Communicative strategy, Context, identification, Referential expression, vocatives (or terms of address).*